

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI AN NINH TÀU BIỂN
SHIP'S SECURITY NOTIFICATION

1. Tên tàu: Name of Ship		2. Quốc tịch tàu Flag State of ship	3. Hô hiệu Call-Sign
4. Tổng dung tích Gross tonnage	5. Loại tàu: Type of Ship	6. Số lượng thuyền viên: No. of Crew	
7. Thời gian dự kiến đến cảng: ETA:		8. Số IMO: IMO No.	
9. Mục đích đến cảng: Bốc/Dỡ/Tiếp nhiên liệu/Sửa chữa/Mục đích khác (gạch bỏ từ thích hợp) Purpose of Call: Loading / Discharging / Bunkering / Shipyard / Others (Delete as appropriate)			
Nếu là mục đích khác nêu rõ: If others, please specify purpose:			
10. Tên khu vực neo đậu hoặc cầu cảng mà tàu sẽ đến: Name of Anchorage or Port Facility your ship in bound for:			
11. Tên Đại lý tàu biển tại Việt Nam: Name of Ship Agent in Vietnam:			
Tel No:		Fax No:	
12. Tàu có GCN quốc tế về an ninh tàu biển (ISSC) không? Does your ship possess a valid International Ship Security Certificate (ISSC)? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate)			
Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết tại các câu hỏi 13, 14 If answer if ‘Yes’, give details in Q13 and Q14.			
13. Tên cơ quan cấp ISSC Name of issuing authority for the ISSC			
14. Ngày cấp ISSC Date of issue of the ISSC		15. Ngày ISSC hết hạn: Date of expiry of the ISSC	
16. Cấp độ an ninh hiện tại của tàu: Current security level of the ship			

17. Mười cảng mà tàu đã ghé vào gần nhất, ngày đến, ngày đi và cấp độ an ninh tàu đã áp dụng khi thực hiện giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển: Last 10 ports of call, including arrival / departure dates and the security level at which the ship operated at these ports where it has conducted a ship / port interface				
	Cảng Port	Ngày đến Arrival	Ngày đi Departure	Cấp độ an ninh Security Level

18. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có áp dụng biện pháp an ninh đặc biệt hoặc biện pháp an ninh bổ sung nào không? Were there any special or additional security measures taken during any ship/port interface at the ports mentioned in Q17? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết: If answer is “Yes”, give detail:	
19. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và tàu biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có duy trì biện pháp an ninh thích hợp không? Were there appropriate ship security measures maintained during any ship-to-ship activity interface at the ports mentioned in Q17? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết: If answer is “Yes”, give detail:	
Chữ ký của Thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Signature of Master/Shipowner/Agent Họ tên của Thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Name of master/Shipowner/Agent	
Vị trí hiện tại: Vĩ độ.....; Kinh độ:..... Present position: Latitude Longitude	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

			Đến Arrival		Vào Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship:		2. Cảng đến/vào Port of arrival/departure		3. Thời gian đến/vào cảng Date - time of arrival/departure	
1.2 Số IMO: IMO number:					
1.3 Hô hiệu: Call sign:					
1.4 Số chuyến đi: Voyage number:					
4. Quốc tịch tàu Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng Name of master	6. Cảng vào cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call			
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Port, date; number)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của đại lý: Name and contact details of the ship agent			
9. Tổng dung tích Gross tonnage	10. Dung tích có ích Net tonnage				
11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or station)					
12. Đặc điểm chính của chuyến đi (các cảng trước và các cảng sẽ đến, gạch chân các cảng sẽ dỡ hàng) số hàng còn lại Brief particulars of voyage (previous and subsequent port of call; underline where remaining cargo will be discharged)					
13. Mô tả tóm tắt về hàng hóa Brief description of the cargo					
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. master)	15. Số hành khách Number of passenger	16. Ghi chú: Remarks			
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)					
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration				
19. Danh sách	20. Danh sách	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận			

thuyền viên Crew List	hành khách Passenger List	và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế(*) Maritime Declaration of Health(*)	

24. ..., ngày ... tháng ... năm 20...

Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (or authorized agent or officer)

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng
only on arrival

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

**DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST**

		Đến Arrival		Vào Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/vào: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/vào: Date of arrival/departure	
1.2 Số IMO: IMO number		1.3 Hô hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number	
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship			5. Cảng vào cuối cùng: Last port of call		
6. STT No.	7. Họ và tên Family name, given name	8. Chức danh Rank or rating	9. Quốc tịch Nationality	10. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	11. Loại và Số Hộ chiếu Nature and No. of identity document (seaman's passport)

....., ngày tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỦ TỤC TÀU VÀO VÀ RỜI CẢNG

Kính gửi: Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình.

Việc giải quyết thủ tục cho tàu:.....

Quốc tịch:.....Hô hiệu:.....

Được tiến hành tại Văn phòng Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình

vào hồi:.....giờ.....ngày...../...../20..... như sau:

I. Thủ tục tàu đến cảng:

1. Hồ sơ tàu:

TT	Giấy chứng nhận	Ngày cấp	Hết hạn	K/T T.gian
1	GCN đăng ký tàu biển			
2	GCN định biên an toàn tối thiểu			
3	GCN cấp tàu			
4	GCN dung tích			
5	GCN mạn khô			
6	GCN an toàn VTĐ tàu biển			
7	GCN phòng ngừa ô nhiễm dầu			
8	Giấy phép sử dụng đài tàu (tàu VN)			
9	GCN khả năng đi biển (Tàu biển VN)			
10	GCN an toàn kết cấu tàu hàng			
11	GCN an toàn trang thiết bị tàu hàng			
12	GCN phù hợp (bản sao)			
13	GCN quản lý an toàn			
14	GCN quốc tế về an ninh tàu biển			
15	GCN bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu			
16	GCN bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu (1000 GT)			
17	Đơn hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu (trừ tàu chở từ 2000T dầu trở lên)			
18	GCN ngăn ngừa ô nhiễm do không khí			
19	GCN ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải			
20	GCN miễn giảm			
21	GCN MLC			
22	GCN đăng ký PTTNĐ			
23	GCN ATKT&BVMT PTTNĐ			
24	Số danh bạ thuyền viên PTTNĐ			

2. Định biên của tàu:

- Số lượng thuyền viên:.....
- Thuyền viên có chứng chỉ chuyên môn không phù hợp:.....
- Thuyền viên có giấy tờ tùy thân không phù hợp:.....

3. Hàng hoá và hành khách:

Hàng nội địa:.....tấn Loại hàng:.....

Hàng xuất khẩu:.....tấn Loại hàng:.....

Hàng nhập khẩu:.....tấn Loại hàng:.....

Hàng quá cảnh:.....tấn Loại hàng:.....

Hành khách:.....

4. Kết quả giải quyết các thủ tục chuyên ngành khác: (Kèm theo biên bản)

5. Đề xuất xử lý:.....

TRƯỞNG PHÒNG PCHH
(hoặc Cán bộ được ủy quyền)

NGƯỜI LÀM THỦ TỤC

II. Thủ tục rời cảng:

Ngày, giờ làm thủ tục rời:.....

1. Thay đổi giấy tờ của tàu:.....

2. Thay đổi định biên của tàu:.....

3. Hàng hoá và hành khách:

Hàng nội địa:.....tấn Loại hàng:.....

Hàng xuất khẩu:.....tấn Loại hàng:.....

Hàng nhập khẩu:.....tấn Loại hàng:.....

Hàng quá cảnh:.....tấn Loại hàng:.....

Hành khách:.....

4. Kết quả giải quyết các thủ tục chuyên ngành khác: (Kèm theo biên bản)

5. Đề xuất xử lý.....

TRƯỞNG PHÒNG PCHH
(hoặc Cán bộ được ủy quyền)

NGƯỜI LÀM THỦ TỤC

Quảng Bình, ngày.....tháng.....năm 2017

BIÊN BẢN HOÀN TẤT THỦ TỤC NHẬP CẢNH

Tàu: AKIJ GLORY

Vào hồi: giờ ngày tháng năm 2017

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Cảng vụ hàng hải Quảng Bình.

Ông (Bà):

2. Đại diện đồn biên phòng cửa khẩu:

Ông (Bà):

3. Đại diện hải quan cửa khẩu:

Ông (Bà):

4. Đại diện trung tâm y tế dự phòng:

Ông (Bà):

Sau khi làm thủ tục cho tàu vào cảng, chúng tôi thống nhất như sau:

Tàu: **AKIJ GLORY** Quốc tịch: BANGLADESH Hồ hiệu: S2FY

Tên Thuyền trưởng: MOHAMMAD NURUL AMINSHARKAR

Tàu đã hoàn thành thủ tục về: Cảng vụ; Hải quan; Biên phòng; kiểm dịch y tế, các cơ quan nhất trí cho tàu: **AKIJ GLORY**

Vào cảng (khu chuyển tải): **KCT. THẮNG LỢI**

theo Bản khai chung của Thuyền trưởng.

Các thành viên thống nhất, nhất trí ký tên.

**Kiểm dịch
y tế**

**Hải quan
cửa khẩu**

**Biên phòng
cửa khẩu**

**Cảng vụ
HH Quảng Bình**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM**DANGEROUS GOODS MANIFEST**

1.1 Tên tàu

Name of ship

1.2 Số IMO

IMO Number

2. Quốc tịch tàu

Flag state of ship

1.5 Tên thuyền trưởng:

Master's Name

1.3 Hô hiệu

Call sign

3. Cảng nhận hàng

Port of loading

4. Cảng trả hàng

Port of discharge

1.6 Đại lý tàu biển:

Shipping Agent

1.4 Số chuyến đi:

Voyage number

5. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/ reference number	6. Ký hiệu và số kiện Marks & numbers container Id. NO(s) Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net	16. EmS

Thông tin bổ sung:

Additional Information

19.1 Đại lý ký

Agent's signature

18.1 Thuyền trưởng ký

Master's signature

19.2 Địa điểm và thời gian

Place and Date

18.2 Địa điểm và thời gian

Place and Date

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Cảng vụ hàng hải..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc LỆNH ĐIỀU ĐỘNG Lệnh điều động số:..... Tên tàu:..... Quốc tịch:..... Dung tích toàn phần:..... Số lượng thuyền viên:..... Số lượng hành khách:..... Đang neo đậu tại:..... Phải di chuyển tới:..... Vào hồi.....giờ.....ngày..... Lý do điều động:..... Cấp.....giờ.....ngày....../...../..... GIÁM ĐỐC	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Vietnam Maritime Administration Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Cảng vụ hàng hải..... Socialist Republic of Vietnam The Maritime Administration of..... Independence - Freedom - Happiness LỆNH ĐIỀU ĐỘNG SHIFTING ORDER <i>Kính gửi:</i> Thuyền trưởng tàu..... To: master of M/V Giám đốc Cảng vụ hàng hải..... Yêu cầu tàu..... The Director of Maritime Administration of requests the vessel Đang neo đậu tại.....Di chuyển tới..... Anchoring/Berthing at To be shifted to Vào hồi:.....giờ.....ngày.....tháng năm..... At hrs on month year <i>Lý do điều động:</i>..... Reasons to shift Yêu cầu ông thực hiện nghiêm chỉnh lệnh này. You are requested to comply in full this shifting order. Giấy phép số:...../CV..... No Ngày.....tháng.... năm 20.... Date..... GIÁM ĐỐC Director
--	--